TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v "tr/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Phong
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sầm
Ông Lê Văn Tỵ

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Sương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 523/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 07b/2024/QĐST-DS ngày 11/01/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Trần Văn T, sinh 1960; *Trú tại*: Ấp Tân Ph, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn Ph, sinh 1976; Trú tại khu phố 5, thị trấn Mỏ C, huyện Mỏ Cày n, tỉnh Bến Tre, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn*:** Phạm Văn L, sinh 1968; Trú tại: Ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Huỳnh Thị H, sinh 1976; Trú tại: Ấp An Trạch Đ, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án,đại diện nguyên đơn ông Phong trình bày: Trước đây vào ngày 21/02/2022 ông Thuỳ có cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, đến tháng 4/2022 ông L vay tiếp 50.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng, mục đích ông L vay là để kinh doanh dịch vụ du lịch cho gia đình, vợ ông L là bà H biết việc ông L vay tiền, thời hạn cho vay khi nào ông Thuỳ cần thu hồi vốn sẽ báo trước cho phía ông L 10 ngày thì phải trả nợ. Phía ông L chỉ đóng lãi được 3.000.000 đồng thì không đóng lãi và trả nợ gốc mặc dù ông Thuỳ đã yêu cầu trả nhiều lần.

Nay yêu cầu ông L, bà H liên đới trả cho ông Thuỳ số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2022 đến ngày Toà án xét xử, mức lãi suất 1%/tháng của số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng nêu trên.

Bị đơn ông L vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Toà án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên lấy lời khai ngày 08/12/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày: Việc ông L vay tiền của ông Thuỳ bà không có tham gia cùng vay và không biết việc ông L vay tiền, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Thuỳ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng: Các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án đề nghị áp dụng điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Toà án tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Thuỳ, buộc ông L trả cho ông Thuỳ số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với mức lãi suất vượt còn lại theo đơn khởi kiện và yêu cầu bà H liên đới cùng ông L trả vốn, lãi suất cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1] Về quyền khởi kiện: Ông Thuỳ cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông với vợ chồng ông L nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Thuỳ có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông Thuỳ là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn ông L đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Phong, bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trong vụ án .

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch vay tài sản giữa các bên được hai bên ông Thuỳ, ông L thừa nhận có thật số nợ gốc ông L vay của ông Thuỳ và được ghi nhận tại biên bản hoà giải ngày 20/5/2023 của tổ hoà giải ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, phía ông L cũng thừa nhận ông đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ ông Thuỳ số tiền 150.000.000 đồng, các bên thoả thuận trả dần nhưng ông L không thực hiện, nên buộc ông L phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho ông T là phù hợp.

Đối với mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi của nguyên đơn yêu cầu: Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch vay tiền của các bên không lập hợp đồng cụ thể, không thể hiện có thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên tại biên bản hoà giải ngày 20/5/2023 của tổ hoà giải ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A về nội dung của biên bản thể hiện các bên có thoả thuận trả lãi nhưng không thể hiện mức lãi suất bao nhiêu và các bên không thống nhất về thời gian mà phía ông L đã trả lãi. Căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu chỉ được chấp nhận bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự tương đương mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Về thời gian bắt đầu tính lãi: Do bị đơn không chứng minh được thời gian trả lãi kể từ lúc vay, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã đóng lãi đến tháng 4/2022, nên nguyên đơn yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/5/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi ông L có nghĩa vụ trả cho ông Thuỳ là 21 tháng x 0,83% x 150.000.000 đồng = 26.145.000 đồng.

[2] Về trách nhiệm liên đới của bà H: Nguyên đơn thừa nhận việc thoả thuận vay tài sản nguyên đơn chỉ ký kết với ông L, bà H không có tham gia, bà H trình bày không biết việc ông L vay tiền của ông Thuỳ và số tiền ông L vay là rất lớn nên không thể xem việc ông L vay tiền nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên bà H không có trách nhiệm cùng ông L trong việc trả số tiền trên cho ông Thuỳ.

[3] Do ông L vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận về lãi suất

5.355.000 đồng, nhưng do nguyên đơn ông Thuỳ thuộc diện người cao tuổi, nên được xem xét miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466 468 Bộ luật dân sự; Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Trần Văn Thuỳ. Buộc ông Phạm Văn L trả cho ông Trần Văn Thuỳ số tiền 176.145.000 đồng (trong đó vốn gốc 150.0.000.000 đồng, lãi suất 26.145.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Thuỳ về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H liên đới cùng ông Phạm Văn L trả cho ông Trần Văn T số tiền 176.145.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Thuỳ về việc yêu cầu ông Phạm Văn L trả cho ông Trần Văn T số tiền lãi còn lại 5.355.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Thuỳ, nếu ông L chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L chịu 8.807.000 đồng. Ông Thuỳ chịu 300.000 đồng, nhưng do ông Thuỳ thuộc diện người cao tuổi, nên được xem xét miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký